

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2016-2020

I. Căn cứ lập Kế hoạch

Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ, về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ, về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ, về Chính phủ điện tử;

Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 13/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020;

Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 22/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ, về việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Chỉ thị 34/2008/CT-TTg ngày 03/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ, về việc tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Quyết định số 99/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn, an ninh thông tin đến năm 2020”;

Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ, quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ, về ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Quyết định 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành danh mục Cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử;

Quyết định 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Thông tư số 25/2014/TT-BTTTT ngày 30/12/2014 của Bộ Thông tin và

Truyền thông, quy định về triển khai các hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi từ Trung ương đến địa phương;

Quyết định số 3607/QĐ-UBND ngày 01/11/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh, về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển Bưu chính, Viễn thông và CNTT tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;

Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 23/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh, về việc phê duyệt lộ trình cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến của các cơ quan quản lý nhà nước năm 2015, định hướng đến năm 2020;

Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 04/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh, về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương;

Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 29/6/2015 của UBND tỉnh, về xây dựng kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa;

Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 30/7/2015 của UBND tỉnh, về thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ, ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về “Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế”;

Chỉ thị số 22/CT-UBND ngày 19/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh, về việc tăng cường đảm bảo an ninh và an toàn thông tin mạng trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Công văn số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông, về việc ban hành khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 1.0;

Công văn số 5214/BNV-CCHC ngày 13/11/2015 của Bộ Nội vụ, về việc hướng dẫn triển khai nhân rộng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp huyện theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg;

Công văn số 2634/BTTTT-THH ngày 17/8/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông, về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Công văn số 3993/BTTTT-THH ngày 04/12/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông, về việc thẩm định Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ hiện trạng ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

II. Mục tiêu ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020

I. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và ứng dụng hiệu quả hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước gắn kết chặt chẽ với chương trình cải cách hành chính, tăng tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt

động; cung cấp đầy đủ thông tin, dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3, 4 trên diện rộng, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, giúp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng và ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa đảm bảo phù hợp với Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành; triển khai xây dựng hạ tầng đảm bảo kết nối và chia sẻ liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, các bộ ngành Trung ương và các địa phương.

- Đạt tỷ lệ 100% cán bộ công chức cấp tỉnh, cấp huyện có máy tính để làm việc; 100% cán bộ, công chức được cung cấp hộp thư điện tử và thường xuyên sử dụng trong công việc.

- 100% các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện được triển khai hệ thống “Một cửa điện tử liên thông” để cung cấp dịch vụ hành chính công mức độ cao cho người dân và doanh nghiệp; 100% các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã được triển khai phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc và hệ thống thư tin điện tử.

- 100% văn bản trình UBND tỉnh và 80% văn bản trao đổi giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện (trừ văn bản mật) dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản gửi song song cùng văn bản giấy).

- 100% văn bản điện tử trao đổi của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã có ứng dụng chữ ký số chuyên dùng đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin trên môi trường mạng.

- Đến hết năm 2017, đảm bảo cung cấp 100% các dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã ở mức độ 3 và 5% ở mức độ 4; đến năm 2020, hoàn thiện triển khai nhân rộng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 lên mức độ 4 đảm bảo tỷ lệ 30% số dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Nâng cấp và hoàn thiện Cổng thông tin điện tử của tỉnh để cung cấp các dịch vụ hành chính công được cung cấp mức độ 3, mức độ 4. Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và 100% trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.

- Triển khai tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT cho 100% cán bộ, công chức từ cấp tỉnh đến cấp xã; hàng năm, triển khai đào tạo kiến thức về an ninh, an toàn thông tin cho 100% cán bộ chuyên trách CNTT của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ cho hoạt động chuyên môn của các cơ quan quản lý nhà nước và phục vụ dịch vụ hành chính công đến người dân và doanh nghiệp.

III. Nội dung kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020

Trong giai đoạn 2016-2020, tiếp tục kế thừa toàn bộ hạ tầng, các phần mềm công nghệ thông tin đã được xây dựng từ các chương trình, dự án ở các giai đoạn trước; thực hiện đầu tư bổ sung, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, xây dựng các phần mềm, CSDL để đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT trong các cơ quan Nhà nước của tỉnh từ cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã một cách đồng bộ, hiệu quả, từng bước xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hoá nhằm tạo môi trường thuận lợi cho việc trao đổi thông tin thông suốt, nhanh chóng giữa các cơ quan nhà nước và cung cấp dịch vụ công đến người dân và doanh nghiệp.

1. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Đầu tư một nền tảng chung kết nối, chia sẻ các hệ thống thông tin quy mô cấp tỉnh; xây dựng các hệ thống, phần mềm vận hành nền tảng, ứng dụng Chính phủ điện tử của tỉnh Thanh Hóa.

- Tiếp tục triển khai, hoàn thiện đầu tư hệ thống “Một cửa điện tử liên thông hiện đại” cho 07 UBND cấp huyện và 06 sở, tạo thuận lợi cho việc tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Bổ sung, thay thế, nâng cấp một số thiết bị CNTT đã hỏng cho các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện để đảm bảo mạng máy tính nội bộ của các đơn vị hoạt động tốt và đáp ứng nhu cầu máy tính làm việc của cán bộ công chức. Đầu tư, bổ sung các thiết bị CNTT, tổ chức kết nối với mạng Tin học điện rộng của UBND tỉnh thông qua Internet.

- Triển khai hệ thống tổ chức hội nghị, giao ban điện tử đa phương tiện giữa UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện thông qua hình thức thuê dịch vụ theo Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Các sở, ban, ngành tăng cường đầu mối, tiếp nhận và sử dụng hiệu quả các trang thiết bị và phần mềm ứng dụng CNTT được đầu tư theo các chương trình, dự án của các Bộ, ngành Trung ương.

- Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật để duy trì hoạt động của Công thông tin điện tử của tỉnh, hệ thống thư điện tử công vụ, phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ cấp huyện và phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Duy trì sử dụng, nâng cấp hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc trong các cơ quan quản lý nhà nước đã triển khai tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và tiếp tục mở rộng đến các cơ quan thuộc UBND tỉnh, đơn vị sự nghiệp trực thuộc các Sở. Tiếp tục triển khai phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ cấp huyện đến các đơn vị còn lại. Triển khai cài đặt phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, thư điện tử công vụ, phần mềm một cửa điện tử và một số phần mềm ứng dụng khác phục vụ công việc của UBND cấp xã đảm bảo tích hợp trên nền tảng chung, liên thông qua trực kết nối của tỉnh đến trực kết nối quốc gia.

- Đăng ký và cấp chứng thư số chuyên dùng cho các đơn vị sự nghiệp của UBND tỉnh, đơn vị sự nghiệp của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã (loại chứng thư số cho cơ quan) để phục vụ gửi nhận văn bản trên môi trường mạng đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin; từng bước tích hợp ứng dụng chữ ký số vào các phần mềm ứng dụng của tỉnh. Triển khai đăng ký và cấp chứng thư số cá nhân cho một số chức danh lãnh đạo của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và đầu mối tiếp nhận, xử lý các dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 4.

- Các cơ quan, đơn vị phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin quốc gia về: quản lý văn bản, thư điện tử, đấu thầu điện tử, quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS), quản lý giao thông điện tử, quản lý hộ chiếu điện tử, quản lý bệnh án điện tử,...

- Các sở, ban, ngành tăng cường đầu mối với các Bộ, ngành Trung ương xây dựng và hoàn thiện hệ thống các cơ sở dữ liệu ngành đảm bảo khả năng sẵn sàng và thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia thuộc các lĩnh vực: thống kê, tổng hợp dân số, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, tài nguyên và môi trường, dân cư.

- Hoàn thiện các bộ phần mềm ứng dụng, hệ thống thông tin, CSDL hỗ trợ công tác quản lý tại các đơn vị: phần mềm quản lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, quản lý tiếp công dân; hoạt động quản lý khoa học công nghệ; các CSDL ngành y tế; cập nhật CSDL về an toàn giao thông trong tỉnh; hệ thống thông tin quản lý công tác thủy lợi; quản lý cán bộ, công chức; ngoại vụ, dân tộc.

- Các cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện hợp lý hóa, cải tiến và minh bạch các quy trình công việc, thủ tục hành chính và các quy trình liên thông giữa các cơ quan liên quan để có thể ứng dụng CNTT hiệu quả.

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Rà soát, nâng cấp phần mềm Một cửa điện tử liên thông cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đảm bảo tích hợp trên nền tảng chung liên thông qua trực kết nối của tỉnh đến trực kết nối quốc gia.

- Xây dựng Cổng Dịch vụ công tỉnh Thanh Hóa đảm bảo kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia; liên thông với các Bộ, ngành cung cấp dịch vụ công mức độ 3 và mức độ 4 ở các lĩnh vực Y tế, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Ngoại vụ...

- Đầu tư đồng bộ trang thiết bị công nghệ (máy chủ, máy trạm, thiết bị mạng, thiết bị lưu trữ dữ liệu,...) và phần mềm quản lý hệ thống, phần mềm giải quyết các thủ tục hành chính công cho bộ phận một cửa để thực hiện mô hình "Một cửa điện tử liên thông" tại 100% các sở, ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

- Xây dựng và hoàn thiện các hệ thống thông tin thiết yếu cho công tác ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là hệ thống thông tin về dân cư, đất đai, văn bản Quy phạm pháp luật, doanh nghiệp, nông nghiệp và phát triển nông thôn, y tế, giáo dục, lao động thương binh và xã hội,...

- Xây dựng hệ thống thông tin tích hợp thanh toán điện tử, ứng dụng trong các giao dịch thủ tục hành chính và thương mại điện tử.

4. Đảm bảo an toàn thông tin

- Nâng cấp Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu, Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh để phát triển và hoàn thiện hệ thống bảo mật, an ninh mạng, an toàn thông tin trong hệ thống các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Bổ sung, trang bị các thiết bị an ninh mạng, thiết bị định tuyến cho các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện để đưa Mạng Truyền số liệu chuyên dùng vào sử dụng và đảm bảo an toàn cho mạng máy tính nội bộ của các đơn vị hoạt động tốt. Theo dõi, ứng cứu xử lý sự cố, đặc biệt là tăng cường phối hợp giám sát, thu thập thông tin và cảnh báo sớm về an toàn thông tin trên toàn hệ thống mạng CNTT của tỉnh.

- Tăng cường quản lý chặt chẽ và nâng cao hoạt động của Cổng thông tin điện tử tỉnh bảo đảm, an toàn thông tin cho các thông tin trao đổi, các dịch vụ cung cấp trên Cổng.

- rà soát điều chỉnh, bổ sung quy chế quy định cho các hệ thống mạng CNTT dùng chung của tỉnh để đảm bảo an toàn thông tin, vận hành an toàn, ổn định, thông suốt.

5. Nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT

- Tổ chức bồi dưỡng cho lãnh đạo phụ trách CNTT các sở, ban, ngành, UBND các huyện.

- Mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về quản trị hệ thống mạng, an ninh mạng, chữ ký số; quản lý triển khai, vận hành hệ thống CNTT cho CBCC chuyên trách về CNTT. Có cơ chế, chính sách cho CBCC chuyên trách CNTT tham gia thi tuyển các chứng chỉ chuyên môn về CNTT của các tổ chức quốc tế về CNTT.

- Tiếp tục tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao kỹ năng ứng dụng và khai thác CNTT cho CBCC trong các cơ quan nhà nước. Hỗ trợ đào tạo cho Trung tâm CNTT&TT tỉnh để đội ngũ cán bộ CNTT đạt tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng nhu cầu phát triển CNTT của tỉnh.

- Tăng cường xã hội hóa công tác phổ cập tin học cho toàn xã hội. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh tham gia đào tạo, bồi dưỡng nhân lực CNTT dưới nhiều hình thức.

IV. Giải pháp

1. Giải pháp tài chính

Huy động tổng hợp các nguồn vốn xã hội hóa, vốn ngân sách nhà nước. UBND tỉnh bố trí nguồn ngân sách của tỉnh gồm nguồn chi đầu tư và chi sự nghiệp kết hợp với nguồn ngân sách Trung ương “Chương trình mục tiêu về công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020” để tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước.

Các đơn vị đã được đầu tư, hỗ trợ từ nguồn kinh phí trung ương để phục vụ cho việc phát triển ứng dụng CNTT theo đặc trưng của ngành, có trách nhiệm đầu mối với các cơ quan trung ương để được tiếp tục hỗ trợ nguồn kinh phí đảm bảo triển khai hiệu quả các dự án đầu tư.

2. Giải pháp triển khai

- Cơ quan chủ quản có trách nhiệm theo dõi tình hình thực hiện các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quản lý; phản hồi đầy đủ và kịp thời các báo cáo của Chủ đầu tư dự án; tiến hành phân tích danh mục các chương trình, dự án để xác định mức độ, lộ trình thực hiện.

- Đối với những chương trình, dự án ứng dụng CNTT mang tính chất trọng tâm, sử dụng nguồn kinh phí lớn đã được lựa chọn thí điểm, có chọn lọc tại một số đơn vị, cần đánh giá chi tiết hiệu quả ứng dụng, làm cơ sở nhân rộng mô hình cho các đơn vị còn lại.

- Khuyến khích triển khai theo hình thức thuê dịch vụ CNTT trong các cơ quan nhà nước của tỉnh theo quy định tại Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Trên cơ sở Kế hoạch giai đoạn được phê duyệt, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh xây dựng lộ trình cụ thể, khoa học hàng năm đảm bảo thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

3. Giải pháp tổ chức

- Tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo ứng dụng Công nghệ thông tin tỉnh trong việc triển khai công tác ứng dụng trong các cơ quan quản lý nhà nước, nâng cao vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo CNTT ở các cấp.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch tại các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Kiện toàn và phát huy vai trò bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thông tin, có Lãnh đạo chuyên trách về an toàn thông tin, chú trọng công tác xây dựng và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách về đảm bảo an toàn thông tin, phòng chống tấn công mạng, giám sát, cảnh báo, ứng cứu sự cố (CERT) tại các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc.

4. Giải pháp về môi trường pháp lý

- Xây dựng và ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

- Xây dựng các quy định về an toàn, an ninh thông tin, đẩy mạnh sử dụng chữ ký số trong các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước.

- Xây dựng quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trên môi trường mạng của tỉnh nhằm tăng cường chia sẻ thông tin, giảm văn bản bằng giấy trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách về biên chế, thu hút, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ công nghệ thông tin, cán bộ giám sát, cảnh báo, ứng cứu sự cố, phòng chống tấn công, đảm bảo an toàn mạng của cơ quan nhà nước.

- Có quy chế gắn thị đua khen thưởng với bắt buộc việc trao đổi thông tin điện tử trong và giữa các cơ quan, đơn vị trong tỉnh và việc cập nhật thông tin cho trang thông tin điện tử của đơn vị.

- Đảm bảo nguồn kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin trong kế hoạch ngân sách hàng năm của cơ quan nhà nước.

5. Bảo đảm ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ và hiệu quả

- Thủ trưởng cơ quan nhà nước các cấp trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan mình.

- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước phải đáp ứng nhu cầu thực tế, bảo đảm hiệu quả đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

- Kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020 của tỉnh.

- Triển khai các nội dung khuyến khích, hỗ trợ người dân trong việc tiếp cận, sử dụng hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến.

V. Lộ trình thực hiện

1. Đối với việc phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2016:

+ Triển khai đầu tư hệ thống một cửa điện tử liên thông tại bộ phận giao dịch một cửa 06 đơn vị cấp tỉnh và 07 đơn vị cấp huyện; cài đặt phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; đầu tư mua sắm, thay thế nâng cấp hệ thống các trang thiết bị CNTT, phần mềm “một cửa điện tử và cung cấp dịch vụ hành chính công cấp xã” tại 308 đơn vị tiếp nhận, sử dụng.

+ Đầu tư tại Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông đảm bảo an toàn an ninh và cài đặt tập trung phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, phần mềm “một cửa điện tử và cung cấp dịch vụ hành chính công” cho 308 xã triển khai trong giai đoạn 2015-2016.

- Các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2017:

+ Tiếp tục triển khai đầu tư hệ thống một cửa điện tử liên thông hiện đại tại bộ phận giao dịch một cửa 06 đơn vị cấp tỉnh; đầu tư mua sắm, thay thế nâng cấp hệ thống các trang thiết bị CNTT; Cài đặt phần mềm hệ thống, phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; phần mềm “một cửa điện tử và cung cấp dịch vụ hành chính công cấp xã” tại 185 đơn vị tiếp nhận, sử dụng.

+ Đầu tư tại Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông đảm bảo an toàn an ninh và cài đặt tập trung phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, phần mềm “một cửa điện tử và cung cấp dịch vụ hành chính công cấp xã” cho 327 đơn vị cấp xã triển khai trong giai đoạn 2017-2018;

+ Tiếp tục rà soát, bổ sung, nâng cấp các thiết bị Công nghệ thông tin, đảm bảo hoạt động hệ thống mạng nội bộ (LAN) cho các cơ quan quản lý nhà nước.

- Các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2018:

+ Đầu tư nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đặt tại Văn phòng UBND tỉnh đảm bảo đáp ứng được chức năng là đầu mối kết nối và tích hợp dữ liệu của cả tỉnh.

+ Tiếp tục đầu tư mua sắm, thay thế nâng cấp hệ thống các trang thiết bị CNTT; Cài đặt phần mềm hệ thống, phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; phần mềm “một cửa điện tử và cung cấp dịch vụ hành chính công cấp xã” tại 142 đơn vị tiếp nhận, sử dụng.

+ Đầu tư mua sắm, thay thế bổ sung, nâng cấp hệ thống các trang thiết bị CNTT và trang thiết bị phụ trợ cho 635 UBND cấp xã;

- Các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019-2020: Rà soát, bổ sung, nâng cấp các thiết bị Công nghệ thông tin, đảm bảo hoạt động tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh và hệ thống mạng nội bộ cho các cơ quan quản lý nhà nước.

2. Đối với việc ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Năm 2016, thực hiện kết nối, liên thông phần mềm quản lý văn bản tất cả các sở, ngành, đơn vị cấp huyện, cấp xã.

- Giai đoạn 2016-2020, từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống Cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý các ngành đảm bảo khả năng sẵn sàng và thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, cụ thể: quản lý văn bản, thư điện tử, đấu thầu điện tử, quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS), quản lý giao thông điện tử, quản lý xe cộ điện tử, quản lý hộ chiếu điện tử, quản lý bệnh án điện tử, ...

- Năm 2016-2017, triển khai diện rộng phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ cho 22 đơn vị cấp huyện; tiếp tục mở rộng hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc đến các cơ quan thuộc UBND tỉnh, đơn vị sự nghiệp trực thuộc các Sở.

3. Đối với việc ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Trong giai đoạn 2016-2020, tiếp tục duy trì hoạt động, hoàn thiện Cổng thông tin điện tử của tỉnh, xây dựng Cổng dịch vụ Công tỉnh Thanh Hóa đảm bảo kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia là liên thông với các Bộ, ngành cung cấp dịch vụ công mức độ 3 và triển khai thí điểm một số dịch vụ công mức độ 4 ở các lĩnh vực Y tế, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Thông tin và Truyền thông...

- Giai đoạn 2016-2018, hoàn thiện triển khai mô hình “Một cửa điện tử liên thông” tại 100% các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

4. Đối với việc đảm bảo an toàn thông tin

- Năm 2016-2017, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật tại Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu của tỉnh để nâng cao năng lực đảm bảo an toàn an ninh thông tin, ứng phó các sự cố an ninh mạng cho các cơ quan trên địa bàn tỉnh.

- Trong giai đoạn 2016-2020, tiếp tục theo dõi, ứng cứu xử lý sự cố, đặc biệt là tăng cường phối hợp giám sát, thu thập thông tin và cảnh báo sớm về an toàn thông tin trên hệ thống mạng.

5. Đối với việc phát triển nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT

- Giai đoạn 2016-2020, tùy theo tình hình cụ thể, mỗi năm tổ chức các lớp đào tạo nâng cao CIO, cho công chức, viên chức; đội ngũ lao động chuyên môn, đội ngũ doanh nhân và những người sử dụng về ứng dụng CNTT; tuyên truyền, phổ cập kiến thức CNTT cho toàn cộng đồng.

- Giai đoạn 2016-2020, đổi mới và tăng cường công tác quản lý và bồi dưỡng nguồn nhân lực, tổ chức tham gia học tập kinh nghiệm, xây dựng cơ chế chính sách nhằm hỗ trợ, khuyến khích mọi thành phần đối tượng tham gia vào việc phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh.

VI. Kinh phí thực hiện

Dự kiến tổng kinh phí cho ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020 là: 148,5 tỷ đồng (*Một trăm bốn mươi tám tỷ, năm trăm triệu đồng*).

Trong đó:

- Nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương và ngân sách địa phương: 48,9 tỷ đồng.
- Nguồn kinh phí sự nghiệp trong dự toán ngân sách tỉnh: 75 tỷ đồng
- + Kinh phí bố trí cho các dự án chuyển tiếp: 23,606 tỷ đồng.
- + Kinh phí bố trí cho các dự án triển khai mới: 49,234 tỷ đồng.
- + Kinh phí bố trí cho các nhiệm vụ, dự án theo hình thức thuê dịch vụ theo Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg: 2,16 tỷ đồng.
- Nguồn kinh phí chi thường xuyên CNTT vào dự toán ngân sách các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện: 24,6 tỷ đồng.

VII. Danh mục nhiệm vụ, dự án: Theo Phụ lục 1, 2, 3 đính kèm.

VIII. Tổ chức thực hiện

1. Sở Thông tin và Truyền thông.

- Chủ trì tổ chức triển khai; hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này; chủ trì tham mưu, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung về mục tiêu và nội dung của Kế hoạch hoặc giải quyết vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước của tỉnh hàng năm, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Chủ động, tích cực làm việc với Bộ Thông tin và Truyền thông đề xin hỗ trợ kinh phí từ Chương trình mục tiêu về công nghệ thông tin cho các dự án, nhiệm vụ về xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng các quy định, chính sách đề tạo giải pháp đảm bảo môi trường pháp lý trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Hàng năm thực hiện tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư và vốn sự nghiệp chi cho ứng dụng và phát triển CNTT và truyền thông. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, hạng mục CNTT và truyền thông trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

2. Sở Tài chính:

- Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh cân đối kinh phí, tùy theo khả năng ngân sách địa phương, ghi dự toán thực hiện các chương trình, dự án CNTT; xem xét, cấp dự toán kinh phí sự nghiệp CNTT kịp thời theo đề nghị của sở, ban, ngành, địa phương thực hiện công tác chuyên môn.

- Cùng với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí cụ thể chi cho ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước của tỉnh.

3. Sơ Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh bố trí, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách tỉnh, nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia về công nghệ thông tin cho các nhiệm vụ, dự án ứng dụng Công nghệ thông tin.

4. Sở Nội vụ:

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh giai đoạn 2016-2020 gắn kết chặt chẽ với Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin, từng bước hiện đại hóa nền hành chính của tỉnh; phối hợp tuyên truyền đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ cải cách hành chính; phối hợp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ công chức về ứng dụng Công nghệ thông tin.

5. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện Kế hoạch này.

6. Các đơn vị được giao chủ trì các dự án, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức xây dựng, trình phê duyệt và triển khai các dự án, nhiệm vụ này theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước, bảo đảm sự lồng ghép về nội dung, kinh phí với các chương trình, kế hoạch, dự án chuyên ngành đang triển khai nếu có, tránh trùng lặp, lãng phí.

IX. Dự kiến hiệu quả của Kế hoạch: Sẽ thúc đẩy mạnh mẽ công tác ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan nhà nước, tiết kiệm chi phí về tài chính và thời gian trong việc giải quyết các thủ tục hành chính, góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh; tạo môi trường làm việc thông suốt, thống nhất trong việc chỉ đạo, điều hành của các cấp, là cơ sở cần thiết trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ TT&TT (để b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (để t/hiện);
- UBND các huyện, TX, TP (để t/hiện);
- Lưu: VT, THKH, KTTT, CNTT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Văn Tuấn

Phụ lục 1
 DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ỨNG DỤNG CNTT
 TRONG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỈNH THANH HÓA GIAI ĐOẠN 2016-2020
 (Kèm theo Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Mục tiêu dự án	Đơn vị chủ trì	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Trong đó					Ghi chú
					Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
A	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			48.900	15.000	19.000	14.900			
I	Ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng ban hành kiến trúc Khung Chính quyền điện tử của tỉnh Thanh Hóa phù hợp với Mô hình kiến trúc Khung Chính phủ điện tử Việt Nam. - Đầu tư một nền tảng chung kết nối, chia sẻ các hệ thống thông tin quy mô cấp tỉnh LGSP. - Xây dựng các phần mềm vận hành nền tảng (LGSP) tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng hệ thống nền tảng ứng dụng chính phủ điện tử tỉnh Thanh Hóa (Core Platform). - Nâng cấp và xây dựng mới các ứng dụng dùng chung cho các cơ quan đơn vị, góp phần cải cách hành chính và tuân thủ tiêu chuẩn Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng các dịch vụ công mức độ 3, 4 theo lộ trình của tỉnh và của Chính phủ. - Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo tính bảo mật, đảm bảo an toàn thông tin cho các Trung tâm dữ liệu của tỉnh và một số sở, ban, ngành, UBND các huyện. 	Sở Thông tin và Truyền thông	48.900	15.000	19.000	14.900			


B		NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA TỈNH	75.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000		
I		Triển khai các nhiệm vụ, dự án công nghệ	23.606	7.066	9.538	7.002	0	0		
1	Triển khai thí điểm hệ thống một cửa điện tử cho một số Sở có nhiều thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> Tin học ứng các quy trình giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, đưa báo tính thống nhất, đồng bộ, đơn giản và minh bạch. Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân chủ động trong việc tiếp nhận và tra cứu thông tin về thủ tục hành chính, kết quả thụ lý hồ sơ thủ tục hành chính. Triển khai ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa cho 06 đơn vị cấp Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Lao động-TB&XH; Tài nguyên và Môi trường; Giao thông vận tải; Công Thương; Nông nghiệp & Phát triển nông thôn. 	Sở Thông tin và Truyền thông	1.401	1.401	-	-	-	-	Theo Quyết định số 2426/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Tăng cường an ninh mạng và an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh.	Đầu tư nâng cấp trang thiết bị, công nghệ an ninh mạng, an toàn thông tin cho Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu.	Sở Thông tin và Truyền thông	1.665	1.665	-	-	-	-	Theo Quyết định số 2477/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh
3	Triển khai thí điểm hệ thống quản lý văn bản. Hồ sơ công việc và hệ thống một cửa điện tử đến cấp xã.	<ul style="list-style-type: none"> Đầu tư hạ tầng CNTT, phần mềm quản lý Văn bản và Hồ sơ công việc cho 132 UBND cấp xã, thị trấn thuộc 06 đơn vị cấp huyện (Hoàng Hóa, Triệu Sơn, Quan Sơn, Yên Định, Thị xã Sầm Sơn, Thị xã Bỉm Sơn) đảm bảo năng lực hạ tầng kỹ thuật để triển khai có hiệu quả các ứng dụng CNTT; đồng thời quản lý toàn bộ các văn bản của UBND cấp xã bao gồm các văn bản đến, văn bản đi, văn bản nội bộ, văn bản dự thảo,... thực hiện gửi/nhận văn bản; trao đổi thư điện tử với các cơ quan, tổ chức, cá nhân bên trong và bên ngoài thông qua môi trường mạng. 	Sở Thông tin và Truyền thông	6.538	2.000	3.538	1000	-	-	Theo Quyết định số 3800/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh

		- Triển khai hệ thống một cửa điện tử đến cấp xã giữa thị trấn để đảm bảo đồng bộ liên thông trong việc giải quyết các thủ tục hành chính tiếp nhận huyện và cấp xã.								
4	Ứng dụng CNTT trong khai thác và quản lý di sản văn hóa vật thể, phi vật thể trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý thông tin về di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của tỉnh, nhằm đổi mới công tác lưu trữ, quản lý hồ sơ di sản, đồng thời phục vụ công tác quảng bá phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	6.391	1000	3.000	2.391	-	-	Theo Quyết định số 4448/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh
5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý giảng dạy và học tập tại Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020.	- Hoàn thiện, nâng cấp và triển khai Hệ thống thông tin Quản lý đào tạo, bao gồm: Xây dựng, quản lý Kế hoạch giảng dạy học tập; Quản lý học viên; Quản lý học viên nội trú; Quản lý đánh giá kết quả học tập; Quản lý và cấp chứng chỉ tốt nghiệp. - Bổ sung, hiện đại hóa trang thiết bị tin học, đảm bảo: 100% cán bộ công chức được trang bị máy tính nối mạng để làm việc, 100% phòng học có thiết bị phục vụ việc giảng dạy và học tập bằng giáo án điện tử, khai thác thông tin phục vụ học tập giảng dạy.	Trường Chính trị tỉnh	7.611	1.000	3.000	3.611	-	-	Theo QĐ số 4271/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh
II Các nhiệm vụ, dự án triển khai mới trong giai đoạn 2016-2020				49.234	7.502	5.030	7.566	14.568	14.568	
1	Triển khai ứng dụng CNTT trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Đẩy mạnh việc ứng dụng Công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tăng cường việc kiểm tra giám sát trong công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.	Thanh tra tỉnh	2.500	1.000	1.500	-	-	-	Theo Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 02/7/2015 của UBND tỉnh
2	Triển khai diện rộng phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ	Giúp UBND, Chủ tịch UBND cấp huyện trong việc chỉ đạo, điều hành các đơn vị hành chính cấp xã, phường; giúp các đơn vị theo	Văn phòng UBND	2.000	2.000	-	-	-	-	

	cho 22 đơn vị cấp huyện.	đổi, chỉ đạo các lực lượng chức năng trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.	tỉnh								
3	Triển khai, duy trì hệ thống thư điện tử đến cán bộ, công chức cấp xã.	- Bổ sung máy chủ, hệ thống lưu trữ để đảm bảo toàn khai thư điện tử công vụ đến tất cả cán bộ công chức cấp tỉnh, huyện, xã. - Mua bản quyền phần mềm phòng chống thư rác.	Văn phòng UBND tỉnh	3.000	1.000	500	500	500	500		
4	Nâng cao năng lực cho Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.	Bổ sung và nâng cấp hệ thống máy chủ, hệ thống an toàn bảo mật và thiết bị mạng cho Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh để đáp ứng được chức năng là đầu mối kết nối và tích hợp dữ liệu của cả tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	5.000	-	-	-	3.000	2.000		
5	Kinh phí duy trì kỹ thuật hoạt động của Công thông tin điện tử, Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh và hệ thống mạng tin học Văn phòng UBND tỉnh.	- Rà soát, nâng cấp, chỉnh sửa các module chức năng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ. - Duy trì hệ thống mạng tin học cơ quan Văn phòng UBND; bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng Trung tâm tích hợp dữ liệu; mua phần mềm phòng chống virus cho toàn bộ máy trạm và máy chủ. - Thuê bao đường truyền Leased - line, đảm bảo tốc độ kết nối phục vụ việc truyền nhận thông tin cho Trung tâm tích hợp dữ liệu phục vụ Công thông tin điện tử và các CSDL, phần mềm cài đặt tại Trung tâm.	Văn phòng UBND tỉnh	5.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000		
6	Triển khai Kế hoạch ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020.	- Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng phục vụ triển khai chữ ký số các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã. - Đăng ký và cấp chứng thư số cơ quan cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, trực thuộc sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các UBND cấp xã.	Sở Thông tin và Truyền thông	2.500	400	500	500	500	600		

		<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký và cấp bằng thư số cá nhân cho cho một số ứng viên lãnh đạo của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và đầu mối tiếp nhận, xử lý các điện tử hành chính công trực tuyến. - Tiếp hợp ứng dụng chữ ký số lên phần mềm ứng dụng của tỉnh trên khai đến cấp xã. - Tổ chức đào tạo cho các đối tượng được cấp và sử dụng chứng thư số. 									
7	Triển khai các hoạt động CNTT của tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức bồi dưỡng cho lãnh đạo phụ trách CNTT các sở, ban, ngành, UBND các huyện. - Tổ chức đào tạo nâng cao kiến thức về an ninh, an toàn mạng cho cán bộ quản trị mạng các sở, ban, ngành, UBND các huyện. - Tổ chức tập huấn về khung kiến trúc Chính phủ điện tử, kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh. - Triển khai Chương trình hợp tác về ứng dụng CNTT giữa Sở TT Thanh Hóa với Sở TT&TT Hà Nội và Sở TT&TT Thành phố Hồ Chí Minh. - Khảo sát, đánh giá chỉ số ICT Index. - Tổ chức hội thi ứng dụng CNTT trong khối CQNN. - Kiểm tra việc thực hiện các chương trình, dự án, tính hình ứng dụng CNTT tại các đơn vị. 	Số Thông tin và Truyền thông	4.600	920	920	920	920	920		
8	Triển khai Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trách nhiệm về an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020.	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức Hội nghị quán triệt và triển khai kế hoạch tuyên truyền về an toàn thông tin. - Tổ chức Hội thảo tuyên truyền, phổ biến kiến thức, văn bản pháp luật về ATTT và các biện pháp, giải pháp đảm bảo ATTT. - Sản xuất phóng sự, chương trình, trao đổi, đối thoại trên hệ thống phát thanh, truyền 	Số Thông tin và Truyền thông	1.430	390	260	260	260	260	260	Theo Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 11/11/2015, Chỉ thị số 22/CT-

		<p>hình; trên các Báo của địa phương; Biên tập tài liệu liên quan đến An ninh Báo trên Công TTĐT của tỉnh và Trung TTĐT của Sở TT & TT.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng biên tập, tuyên truyền về an toàn thông tin cho đội ngũ phóng viên, cán bộ truyền thanh cơ sở cấp huyện. - Tổ chức diễn tập về tăng cường năng lực quản lý, xử lý sự cố về an toàn thông tin. - Hội nghị đánh giá kết quả triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về an toàn thông tin giai đoạn 2016 - 2020. 								UBND ngày 19/10/2015
9	Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống mạng LAN và xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin, CSDL của các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố và kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước.	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống mạng LAN, bổ sung thiết bị CNTT cho các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) của cơ quan Đảng và Nhà nước; đảm bảo đến năm 2020 tỷ lệ máy tính/cán bộ công chức đạt 100%. - Xây dựng, chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu vào hệ thống thông tin CSDL của các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố. 	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	23.204	792	350	4.386	8.388	9.288	
III	Các nhiệm vụ, dự án theo hình thức thuê dịch vụ theo Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ			2.160	432	432	432	432	432	
I	Hợp trực tuyến phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành giữa UBND tỉnh, các sở, ban, ngành với UBND cấp huyện.	Tổ chức các cuộc hợp trực tuyến của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các sở, ban, ngành với UBND cấp huyện.	Văn phòng UBND tỉnh	2.160	432	432	432	432	432	Dự kiến mỗi năm tiến hành 16 cuộc họp
Tổng cộng:				123.900	30.000	34.000	29.900	15.000	15.000	


 Phụ lục 2
KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN VỀ ỨNG DỤNG CNTT
TRONG HOẠT ĐỘNG CÁC SỞ, BAN, NGÀNH GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2016
của UBND tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Số CBCS hiện có	Phân bổ kinh phí hàng năm				
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Văn phòng UBND tỉnh	101	202	202	202	202	202
2	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh	39	78	78	78	78	78
3	Sở Công Thương	71	142	142	142	142	142
4	Sở Khoa học và Công nghệ	39	78	78	78	78	78
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	70	140	140	140	140	140
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	82	164	164	164	164	164
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	89	178	178	178	178	178
8	Sở Tài chính	110	220	220	220	220	220
9	Sở Thông tin và Truyền thông	36	72	72	72	72	72
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	88	176	176	176	176	176
11	Sở Xây dựng	76	152	152	152	152	152
12	Sở Tư pháp	47	94	94	94	94	94
13	Sở Nội vụ	66	132	132	132	132	132
14	Sở Giao thông Vận tải	86	172	172	172	172	172
15	Sở Y tế	50	100	100	100	100	100
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	81	162	162	162	162	162
17	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	77	154	154	154	154	154
18	Sở Ngoại vụ	21	42	42	42	42	42
19	Thanh tra tỉnh	52	104	104	104	104	104
20	Ban Dân tộc	30	60	60	60	60	60
21	BQL khu kinh tế Nghi Sơn	72	144	144	144	144	144
22	Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch Thanh Hóa	17	34	34	34	34	34
	Tổng cộng:	1.400	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800

Phụ lục 3

KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN VỀ ỨNG DỤNG CNTT
 TRONG HOẠT ĐỘNG UBND CẤP HUYỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020
 (Kèm theo Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2016
 của UBND tỉnh Thanh Hoá)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Số CBCC hiện có	Phân bổ kinh phí hàng năm				
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	UBND huyện Thọ Xuân	87	87	87	87	87	87
2	UBND Thị xã Sầm Sơn	70	70	70	70	70	70
3	UBND huyện Thường Xuân	81	81	81	81	81	81
4	UBND huyện Hoằng Hoá	89	89	89	89	89	89
5	UBND huyện Quảng Xương	89	89	89	89	89	89
6	UBND huyện Vĩnh Lộc	68	68	68	68	68	68
7	UBND Thị xã Bỉm Sơn	67	67	67	67	67	67
8	UBND huyện Thiệu Hoá	77	77	77	77	77	77
9	UBND huyện Thạch Thành	79	79	79	79	79	79
10	UBND huyện Yên Định	76	76	76	76	76	76
11	UBND huyện Hà Trung	70	70	70	70	70	70
12	UBND huyện Cẩm Thủy	75	75	75	75	75	75
13	UBND huyện Như Thanh	66	66	66	66	66	66
14	UBND huyện Bá Thước	80	80	80	80	80	80
15	UBND huyện Ngọc Lặc	77	77	77	77	77	77
16	UBND huyện Quan Sơn	64	64	64	64	64	64
17	UBND huyện Quan Hoá	72	72	72	72	72	72
18	UBND huyện Mường Lát	62	62	62	62	62	62
19	UBND huyện Nga Sơn	77	77	77	77	77	77
20	UBND huyện Hậu Lộc	77	77	77	77	77	77
21	UBND huyện Nông Cống	79	79	79	79	79	79
22	UBND huyện Lang Chánh	67	67	67	67	67	67
23	UBND huyện Tĩnh Gia	131	131	131	131	131	131
24	UBND Thành phố Thanh Hoá	123	123	123	123	123	123
25	UBND huyện Triệu Sơn	82	82	82	82	82	82
26	UBND huyện Như Xuân	69	69	69	69	69	69
27	UBND huyện Đông Sơn	66	66	66	66	66	66
	Tổng cộng:	2.120	2.120	2.120	2.120	2.120	2.120